TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:12/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2021.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Khanh và bà Vũ Thị Thủy.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 68/2021/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Vũ T. T., sinh năm 1981 (*có mặt*).

ĐKHK và nơi cư trú: Thôn La B, thị trấn Cẩm Giang (trước đây là xã Kim Giang), huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn*: Anh Bùi V. S., sinh năm 1979 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

ĐKHK và nơi cư trú: Thôn La B, thị trấn Cẩm Giang (trước đây là xã Kim Giang), huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện,bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vũ T. T. trình bày: Chị và anh Bùi V. S. được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Giang (*nay là UBND thị trấn Cẩm Giang*), huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 30/01/2002 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau

khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Bản thân anh S. luôn nghi ngờ chị có tình cảm với người khác, nhiều lần chị giải thích anh không nghe, thậm chí còn dùng bạo lực với chị. Vì nghĩ đến các con nên chị nhẫn nhịn chịu đựng bỏ qua để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng chỉ được một thời gian ngắn mâu thuẫn lại tiếp tục xảy ra. Hai bên gia đình biết mâu thuẫn của anh chị cũng chỉ động viên hòa giải không mang lại kết quả mà ngày càng căng thẳng hơn, vợ chồng đối xử với nhau lạnh nhạt ngày càng có khoảng cách. Tuy sống chung một nhà nhưng chị và anh S. sống ly thân từ đầu năm 2019, anh chị không còn quan T., không trò chuyện với nhau. Chị nhận thấy cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, không có biện pháp gì để hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa vì cố níu kéo cũng chỉ làm cho cả hai thêm căng thẳng mệt mỏi, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi V. S..

Về quan hê con chung: Chị xác định vợ chồng có ba con chung là Bùi H. N., sinh ngày 10/01/2003; Bùi Đ. C., sinh ngày 07/10/2005 và Bùi V. D. K., sinh ngày 11/12/2013. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi H. N. và Bùi V. D. K. cho đến khi thành niên. Chị nhất trí để anh S. được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Đ. C. cho đến khi thành niên. Chị và anh thỏa thuận không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Hiện nay chị có cửa hàng chuyên kinh doanh về hoa tươi, trang trí phục vụ cho các hội nghị và đám hiếu, hỷ, thu nhập ổn định từ 10.000.000đồng đến 12.000.000đồng/tháng. Chị khẳng định đủ điều kiện để nuôi con được phát triển một cách tốt nhất về vật chất cũng như tinh thần. Sau khi có Quyết định của Tòa án cho chị và anh S. ly hôn thì mẹ con chị sẽ về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị, ông bà có nhà cửa rộng rãi đủ điều kiện cho mẹ con chị sinh sống và học tập.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi V. S. trình bày: Anh công nhận về điều kiện và thời gian kết hôn như chị Vũ T. T. trình bày trên là đúng. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên xảy ra to tiếng làm cho tình cảm rạn nứt ngày càng

có khoảng cách, cuộc sống căng thẳng mệt mỏi không đem lại hạnh phúc. Tuy sống chung một nhà nhưng anh chị đối xử với nhau như người xa lạ, không quan T., chia sẻ tình cảm với nhau, kinh tế thì độc lập. Bản thân anh thừa nhận từ khi bị tai nạn nên tính cách có thay đổi. Anh xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc, anh cũng không có biện pháp gì để níu kéo hàn gắn nhưng anh không đồng ý ly hôn bởi vì anh nghĩ đến các con đang ở độ tuổi chuyển giao T. sinh lý rất cần sự chăm sóc, dậy dỗ bảo ban của anh chị nên anh muốn chị suy nghĩ lại, nếu ly hôn sẽ ảnh hưởng đến việc học tập, cuộc sống của các con sau này. Nếu chị T. vẫn kiên quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Anh xác định vợ chồng có ba con chung là Bùi H. N., sinh ngày 10/01/2003; Bùi Đ. C., sinh ngày 07/10/2005 và Bùi V. D. K., sinh ngày 11/12/2013. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Đ. C. cho đến khi thành niên. Anh nhất trí để chị T. được trực tiếp nuôi con chung là Bùi H. N. và Bùi V. D. K. cho đến khi thành niên. Anh, chị thỏa thuận không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Anh mở quán cắt tóc tại gia đình, thu nhập ổn định từ 5.000.000đồng đến 7.000.000đồng/tháng, anh và các con đang sinh sống trên ngôi nhà mà anh chị xây dựng. Anh khẳng định có đủ điều kiện để nuôi con được phát triển một cách tốt nhất.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Bùi H. N., Bùi Đ. C. và Bùi V. D. K. đều trình bày: Trong cuộc sống bố mẹ có xảy ra mâu thuẫn, không còn sự quan T., chia sẻ công việc với nhau, kinh tế thì độc lập. Tòa án giải quyết cho bố mẹ ly hôn thì cháu N., cháu K. có nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ là chị Vũ T. T.. Cháu C. có nguyện vọng muốn được ở cùng với bố là anh Bùi V. S..

Đại diện gia đình chị T. và đại diện gia đình anh S. đều trình bày: Anh S., chị T. được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết tại UBND xã Kim Giang (*nay là UBND thị trấn Cẩm Giang*), huyện Cẩm Giàng. Mâu thuẫn anh chị là do luôn nghi ngờ với nhau về sự không chung thủy dẫn đến vợ chồng cãi nhau, tình cảm lạnh nhạt ngày càng có khoảng cách. Khi biết mâu thuẫn cũng động viên, hàn gắn cho anh chị nhưng mâu thuẫn không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng hơn. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: Anh Bùi V. S. và chị Vũ T. T. kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Giang (*nay là UBND thị trấn Cẩm Giang*) là hôn nhân hợp pháp. Anh chị đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại địa phương. Qua nắm bắt thực tế anh chị có mâu thuẫn từ việc nghi ngờ tình cảm, không chung thuỷ. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà: Chị T. vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn anh S. và giải quyết về con chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ T. T. ly hôn anh Bùi V. S..

+Về con chung: Giao con chung là Bùi H. N., sinh ngày 10/01/2003 và Bùi V. D. K., sinh ngày 11/12/2013 cho chị T. trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Giao con chung là Bùi Đ. C., sinh ngày 07/10/2005 cho anh S. trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T. và anh S. không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

+ Về án phí: Chị Vũ T. T. phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Chị Vũ T. T. có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giải quyết ly hôn với anh Bùi V. S., đồng thời giải quyết về con chung của vợ chồng khi ly hôn. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Bùi V. S. là bị đơn đăng ký hộ khẩu và hiện đang sinh sống, cư trú tại thôn La B, thị trấn Cẩm Giang, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

- *Người tham gia tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án anh Bùi V. S. đã có lời khai trình bày quan điểm giải quyết vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh S..

[2]. Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ T. T. và anh Bùi V. S. kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Giang (*nay là UBND thị trấn Cẩm Giang*), huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 30/01/2002 là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc đến năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, lối sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh chị luôn nghi ngờ nhau về sự không chung thủy dẫn đến xảy ra va chạm cãi vã nhau làm ảnh hưởng đến cuộc sống hạnh phúc gia đình. Tuy sống cùng một nhà nhưng anh chị không còn sự quan T. chia sẻ yêu thương, không dành tình cảm cho nhau mà cư xử với nhau lạnh nhạt. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì "*… vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan T., chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình,vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*". Chị T. yêu cầu ly hôn anh S. không đồng ý, bản thân anh S. cũng xác định anh chị có mâu thuẫn, không có biện pháp gì để hàn gắn tháo gỡ nhưng vì các con nên muốn níu kéo tình cảm và mong muốn chị T. suy nghĩ lại. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được yêu cầu xin ly hôn của chị T. là có căn cứ,

phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết cho chị Vũ T. T. được ly hôn anh Bùi V. S..

- *Về quan hệ con chung*: Anh chị xác định có ba con chung là Bùi H. N., sinh ngày 10/01/2003; Bùi Đ. C., sinh ngày 07/10/2005 và Bùi V. D. K., sinh ngày 11/12/2013. Anh chị đều nhất trí thoả thuận để chị T. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi H. N. và Bùi V. D. K. đến khi thành niên, anh S. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Đ. C. đến khi thành niên và anh chị tự thỏa thuận không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Xét thỏa thuận của các bên đương sự là sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không làm xáo trộn cuộc sống của con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị.

- *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Vũ T. T. phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1].Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ T. T. ly hôn anh Bùi V. S..

[2]. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Bùi H. N., sinh ngày 10/01/2003 và Bùi V. D. K., sinh ngày 11/12/2013 cho chị Vũ T. T. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Giao con chung là Bùi Đ. C., sinh ngày 07/10/2005 cho anh Bùi V. S. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Vũ T. T. và anh Bùi V. S. không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Vũ T. T. phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số AA/2018/0000358 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Chị Vũ T. T. đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm ly hôn.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

N¬i nhËn:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- UBND thị trấn Cẩm Giang, huyện Cẩm Giàng (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân Hà